

Số: /TB-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất
gói mua sắm: Sinh phẩm xét nghiệm test nhanh
phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm.

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-BVPSTG ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua sắm sinh phẩm xét nghiệm test nhanh phục vụ hoạt động chuyên môn của Bệnh viện.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm nộp Hồ sơ đề xuất cung cấp sinh phẩm xét nghiệm test nhanh, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về Bên mua

a) Đơn vị mua: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang. Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

b) Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.

2. Danh mục hàng hóa cần mua và phương án chia phần

2.1. Gói mua sắm được tổ chức theo 04 phần độc lập. Nhà cung cấp được nộp Hồ sơ đề xuất cho một phần hoặc nhiều phần nếu đáp ứng yêu cầu; trong mỗi phần tham gia phải chào đầy đủ danh mục thuộc phần đó. Việc đánh giá, chấm điểm, xếp hạng, thương thảo và đề nghị lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện riêng, độc lập đối với từng phần.

Phần	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu xuất xứ và kỹ thuật
Phần 1	Test nhanh HBsAg	test	3.000	Xuất xứ: OECD; kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 01.
Phần 2	Test nhanh HIV	test	3.000	Xuất xứ: G7; kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 01.

Phần	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu xuất xứ và kỹ thuật
Phần 3	Test nhanh giang mai (Syphilis)	test	3.000	Xuất xứ: G7; kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 01.
Phần 4	Test nhanh HCV	test	3.000	Xuất xứ: OECD; kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 01.

Số lượng nêu trên đã điều chỉnh giảm so với Tờ trình ban đầu, xác định theo nhu cầu sử dụng dự kiến trong 01 quý; không phải là cam kết bắt buộc Bệnh viện phải mua hết số lượng trong mọi trường hợp.

2.2. Yêu cầu chung đối với hàng hóa: Sinh phẩm mới 100%, chưa qua sử dụng; có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định; bảo đảm độ nhạy, độ đặc hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, hồ sơ chứng minh hiệu năng, điều kiện bảo quản và hạn dùng phù hợp. Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng còn tối thiểu 3/4 tổng hạn dùng, trừ trường hợp Bệnh viện chấp thuận khác bằng văn bản.

2.3. Tiến độ cung cấp: Giao nhiều kỳ theo dự trù, đơn đặt hàng hoặc văn bản xác nhận của Bệnh viện trong thời gian thực hiện hợp đồng. Thời gian giao hàng từng đợt do nhà cung cấp chào cụ thể trong Hồ sơ đề xuất và được thống nhất khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

3. Điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa

Không áp dụng. Gói mua sắm này chỉ thực hiện mua sinh phẩm xét nghiệm test nhanh theo danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu xuất xứ và phương án chia phần đã được phê duyệt; không yêu cầu nhà cung cấp đặt thiết bị, công cụ, phương tiện hoặc giải pháp hỗ trợ sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa.

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp

4.1. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương hợp lệ; có mã số thuế và đang hoạt động theo quy định; có ngành nghề kinh doanh phù hợp với sinh phẩm xét nghiệm, trang thiết bị y tế chẩn đoán in vitro hoặc hàng hóa chào cung cấp.

4.2. Có khả năng cung cấp đầy đủ, đúng tiến độ, đúng chất lượng đối với toàn bộ danh mục thuộc phần tham gia; trường hợp tham gia nhiều phần thì phải chứng minh khả năng cung cấp riêng đối với từng phần.

4.3. Có kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, chứng minh bằng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn, quyết định trúng thầu/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc tài liệu tương đương.

4.4. Báo giá rõ ràng theo từng phần tham gia; có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu; giá chào đã bao gồm thuế, phí, chi phí vận chuyển, giao hàng, bảo quản, bốc xếp và toàn bộ chi phí liên quan đến việc cung cấp hàng hóa đến địa điểm do Bệnh viện yêu cầu.

4.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của toàn bộ tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.

5. Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp

Nhà cung cấp nộp 01 bộ Hồ sơ đề xuất. Trường hợp tham gia nhiều phần, nhà cung cấp phải lập bảng báo giá, tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh riêng cho từng phần. Hồ sơ đề xuất gồm:

Stt	Thành phần hồ sơ	Nội dung yêu cầu
1	Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá	Theo mẫu kèm Thông báo; ghi rõ phần tham gia; ký tên, đóng dấu.
2	Hồ sơ pháp lý của nhà cung cấp	Đăng ký doanh nghiệp; tài liệu chứng minh ngành nghề phù hợp; giấy ủy quyền hoặc tài liệu đại diện hợp pháp nếu có
3	Báo giá chi tiết theo từng phần	Tên hàng hóa; tên thương mại/mã hàng; hãng/nước sản xuất; xuất xứ; quy cách; ĐVT; số lượng; đơn giá; thành tiền; thuế và chi phí đã gồm trong giá; hiệu lực báo giá tối thiểu ngày.
4	Hồ sơ pháp lý của hàng hóa	Số lưu hành/giấy phép nhập khẩu/hồ sơ công bố hoặc tài liệu pháp lý tương đương; tài liệu chứng minh xuất xứ theo yêu cầu từng phần; giấy phép lưu hành của Bộ Y tế hoặc tài liệu hợp pháp thay thế.
5	Tài liệu kỹ thuật, chất lượng và hiệu năng	Catalogue, hướng dẫn sử dụng, phiếu thông tin sản phẩm, tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, COA, tài liệu chứng minh độ nhạy, độ đặc hiệu, LoD, đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp miễn dịch tự động hoặc ELISA và tài liệu liên quan.
6	Năng lực, kinh nghiệm	Hồ sơ năng lực; tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự; năng lực cung ứng thực tế.
7	Cam kết	Tiến độ giao hàng; điều kiện bảo quản, hạn dùng; đổi trả; bảo hành; hỗ trợ kỹ thuật; không thông đồng; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ.
8	Tài liệu khác	Tài liệu nhà cung cấp thấy cần thiết để chứng minh khả năng đáp ứng.

Hồ sơ không hợp lệ, không đầy đủ hoặc nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét. Nội dung Hồ sơ đề xuất, nếu nhà cung cấp được lựa chọn và thống nhất qua thương thảo, là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu; Bệnh viện không hoàn trả Hồ sơ đề xuất đã nộp.

6. Nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp

6.1. Việc lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện trên cơ sở hiệu quả tổng thể của phương án cung cấp theo từng phần độc lập, bao gồm: chất lượng sinh phẩm; mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ pháp lý, tiêu chuẩn chất lượng

và hồ sơ chứng minh hiệu năng; năng lực cung ứng; kinh nghiệm thực hiện; tiến độ giao hàng, điều kiện bảo quản, hạn dùng và giá chào. Bệnh viện không lựa chọn nhà cung cấp chỉ căn cứ vào giá thấp nhất.

6.2. Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm tối thiểu và có tổng điểm cao nhất theo Mục 7 đối với phần tham gia.

6.3. Việc đánh giá được lập thành bảng tổng hợp riêng cho từng phần, có nhận xét và chữ ký của bộ phận được giao đánh giá, làm căn cứ thương thảo và lập Tờ trình đề nghị Giám đốc Bệnh viện phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

7. Tiêu chí đánh giá Hồ sơ đề xuất

7.1. Điều kiện bắt buộc (đạt/không đạt)

a) Tư cách pháp lý hợp lệ, ngành nghề kinh doanh phù hợp, đang hoạt động theo quy định.

b) Hàng hóa chào cho từng phần có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam; đáp ứng yêu cầu xuất xứ theo từng phần.

c) Hàng hóa chào cung cấp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại Mục 2 và Phụ lục 01.

d) Cam kết hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng còn tối thiểu 3/4 tổng hạn dùng, trừ trường hợp Bệnh viện chấp thuận khác bằng văn bản.

đ) Cam kết tiến độ cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng của Bệnh viện, không làm gián đoạn hoạt động xét nghiệm.

e) Báo giá hợp lệ, còn hiệu lực; hồ sơ nộp đúng thời hạn; giá chào đã bao gồm thuế, phí, chi phí vận chuyển, giao hàng, bảo quản, bốc xếp và toàn bộ chi phí liên quan đến việc cung cấp hàng hóa.

7.2. Tiêu chí và mức điểm

Mỗi tiêu chí được chấm theo một trong ba mức điểm cố định; không cho điểm ngoài ba mức quy định. Việc xếp mức căn cứ tài liệu có trong Hồ sơ đề xuất. Nội dung không có tài liệu chứng minh thì không được tính khi xếp mức. Việc chấm điểm được thực hiện riêng, độc lập đối với từng phần.

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1. Chất lượng, kỹ thuật sinh phẩm: tối đa 40 điểm	40 điểm: Sinh phẩm đáp ứng hoặc tốt hơn 100% yêu cầu kỹ thuật; có đầy đủ tài liệu chứng minh về hồ sơ pháp lý, xuất xứ, tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, COA, độ nhạy, độ đặc hiệu, giới hạn phát hiện,	32 điểm: Sinh phẩm đáp ứng 100% yêu cầu kỹ thuật; một số tài liệu chứng minh không chủ yếu cần làm rõ nhưng không ảnh hưởng điều	24 điểm: Sinh phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật tối thiểu và đáp ứng điều

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
	đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp miễn dịch tự động hoặc ELISA và các tài liệu liên quan.	kiện bắt buộc.	kiện bắt buộc.
Cung ứng, giao nhận, bảo hành, đổi trả và hỗ trợ kỹ thuật: tối đa 20 điểm	20 điểm: Chứng minh được nguồn cung; cam kết rõ thời gian giao hàng từng đợt, điều kiện bảo quản, hạn dùng, thời hạn đổi trả, thời gian phản hồi và hỗ trợ kỹ thuật khi phát sinh vướng mắc trong quá trình sử dụng.	14 điểm: Có đầy đủ cam kết về giao hàng, bảo quản, hạn dùng, đổi trả và hỗ trợ kỹ thuật nhưng chưa lượng hóa đầy đủ thời hạn hoặc chưa chứng minh rõ nguồn cung.	8 điểm: Có cam kết ở mức tối thiểu theo yêu cầu của Thông báo.
Kinh nghiệm, năng lực nhà cung cấp: tối đa 10 điểm	10 điểm: Có từ 03 hợp đồng tương tự trở lên kèm tài liệu nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn hoặc tài liệu chứng minh đã thực hiện, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng với cơ sở y tế.	6 điểm: Có từ 01 đến 02 hợp đồng tương tự kèm tài liệu chứng minh đã thực hiện.	2 điểm: Chưa chứng minh được hợp đồng tương tự hoặc tài liệu chứng minh kinh nghiệm còn hạn chế.
5. Giá (tối đa 30 điểm)	Tính theo giá trung bình hợp lệ tại Mục 7.4.	Tính theo giá trung bình hợp lệ tại Mục 7.4.	

7.3. Phương pháp chấm và tổng hợp điểm

Bệnh viện tổ chức đánh giá Hồ sơ đề xuất trên cơ sở điều kiện bắt buộc, tiêu chí chấm điểm, mức điểm và tài liệu do nhà cung cấp nộp theo Thông báo này. Nội dung không có tài liệu chứng minh trong Hồ sơ đề xuất thì không được tính điểm. Kết quả đánh giá được tổng hợp thành bảng chấm điểm riêng cho từng phần.

7.4. Cách tính điểm giá theo giá trung bình hợp lệ

a) Điểm giá = (Giá trung bình hợp lệ / Giá của nhà cung cấp đang xét) × 30.

Điểm giá của nhà cung cấp không vượt quá 30 điểm. Nhà cung cấp có giá chào bằng hoặc thấp hơn giá trung bình hợp lệ được tính điểm tối đa của tiêu chí giá; việc xếp hạng giữa các nhà cung cấp này được quyết định bởi các tiêu chí chất lượng, kỹ thuật, năng lực cung ứng, kinh nghiệm và hiệu quả tổng thể của Hồ sơ đề xuất.

b) Giá trung bình hợp lệ là trung bình cộng các báo giá hợp lệ của các nhà cung cấp đáp ứng điều kiện bắt buộc và được đưa vào chấm điểm đối với từng phần. Trường hợp nhà cung cấp tham gia nhiều phần, giá trung bình hợp lệ và điểm giá được xác định riêng, độc lập cho từng phần.

c) Giá dùng để tính điểm là giá đã bao gồm thuế, phí, vận chuyển, giao hàng, bốc xếp, bảo quản và toàn bộ chi phí liên quan đến việc cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Thông báo, Hồ sơ đề xuất và Dự thảo hợp đồng.

d) Trường hợp giá chào thấp bất thường hoặc có dấu hiệu không đủ để thực hiện gói mua sắm, Bệnh viện yêu cầu nhà cung cấp giải trình, làm rõ cơ sở hình thành giá và khả năng thực hiện theo giá đã chào. Nhà cung cấp không giải trình, giải trình không hợp lý hoặc không chứng minh được khả năng thực hiện theo giá đã chào thì Hồ sơ đề xuất không được xem xét lựa chọn và báo giá đó không được đưa vào tính giá trung bình hợp lệ.

đ) Trường hợp nhà cung cấp được xem xét lựa chọn có giá chào thấp hơn đáng kể so với giá trung bình hợp lệ nhưng giải trình hợp lý và chứng minh được khả năng thực hiện, Bệnh viện có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp kiểm soát trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng: yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp; không tạm ứng hoặc giảm tỷ lệ tạm ứng; thanh toán theo từng đợt giao hàng được nghiệm thu; quy định cụ thể chế tài vi phạm tiến độ, chất lượng và quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định.

7.5. Ngưỡng lựa chọn và xếp hạng

Nhà cung cấp được đề xuất lựa chọn đối với từng phần phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc và có tổng điểm từ 70/100 trở lên, xếp hạng theo tổng điểm từ cao xuống thấp. Trường hợp đồng điểm, ưu tiên theo thứ tự: điểm chất lượng, kỹ thuật sinh phẩm cao hơn; điểm cung ứng, giao nhận, bảo hành, đổi trả và hỗ trợ kỹ thuật cao hơn; điểm kinh nghiệm, năng lực nhà cung cấp cao hơn; giá chào thấp hơn. Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất cho một phần, Bệnh viện vẫn xem xét lựa chọn nếu đáp ứng điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm và giá hợp lý so với mặt bằng thị trường.

8. Thời hạn và địa điểm nhận Hồ sơ đề xuất

8.1. Thời hạn nộp: **Trước 11 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 6 năm 2026.**

8.2. Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính; hồ sơ đóng gói, dán kín, niêm phong; ngoài bì ghi rõ tên nhà cung cấp, tên gói mua sắm và phần tham gia.

8.3. Địa điểm nhận: Phòng Tổ chức - Hành chính (bộ phận văn thư), Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

8.4. Nhà cung cấp được nộp bổ sung, làm rõ hoặc thay thế Hồ sơ đề xuất trước thời hạn nộp. Hồ sơ nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét, trừ trường hợp Bệnh viện thông báo gia hạn.

8.5. Trong quá trình đánh giá, Bệnh viện có quyền yêu cầu nhà cung cấp làm rõ nội dung Hồ sơ đề xuất bằng văn bản. Việc làm rõ không được làm thay đổi bản chất hàng hóa chào cung cấp, giá chào và các nội dung cơ bản của Hồ sơ đề

xuất đã nộp.

9. Trách nhiệm của nhà cung cấp

9.1. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ thông tin, tài liệu trong Hồ sơ đề xuất; bảo đảm hàng hóa cung cấp đúng như Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật và hợp đồng ký kết.

9.2. Không thay đổi chủng loại, mã hàng, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, quy cách, tiêu chuẩn chất lượng, thông số kỹ thuật và các nội dung cơ bản của hàng hóa khi chưa có văn bản chấp thuận của Bệnh viện.

9.3. Cam kết không thông đồng, không thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

9.4. Trường hợp phát hiện tài liệu không trung thực, hàng hóa không đúng cam kết hoặc nhà cung cấp không bảo đảm khả năng thực hiện, Bệnh viện có quyền từ chối lựa chọn, hủy kết quả lựa chọn, chấm dứt hợp đồng hoặc xử lý theo hợp đồng và quy định liên quan.

10. Trách nhiệm của Bệnh viện

10.1. Tổ chức tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ đề xuất khách quan, minh bạch, căn cứ nhu cầu chuyên môn, tiêu chí đánh giá và hồ sơ do nhà cung cấp nộp.

10.2. Giám đốc Bệnh viện căn cứ kết quả đánh giá, kết quả thẩm định, nhu cầu sử dụng, tính hợp lý của giá và hiệu quả tổng thể để quyết định lựa chọn nhà cung cấp theo từng phần; có quyền không lựa chọn hoặc hủy việc mua sắm khi hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, giá không hợp lý hoặc việc mua sắm không còn phù hợp nhu cầu thực tế.

10.3. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp là căn cứ để hai bên thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng theo quy định.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo và mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia nộp Hồ sơ đề xuất theo nội dung nêu trên./.

Đính kèm:

- 1) Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản;
- 2) Mẫu Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá;
- 3) Dự thảo Hợp đồng.

Nơi nhận:

- Phổ biến rộng rãi;
- Website Bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, Khoa CLS;

GIÁM ĐỐC

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-BVPSTG ngày tháng 6 năm 2026)

Số lượng nêu dưới đây là số lượng dự kiến phục vụ nhu cầu sử dụng trong 01 quý; số lượng thực mua, tiến độ giao hàng và từng đợt giao cụ thể thực hiện theo hợp đồng, dự trữ sử dụng và xác nhận của Bệnh viện.

Phần 1. Test nhanh HBsAg

- Số lượng dự kiến: 3.000 test.
- Yêu cầu xuất xứ: Xuất xứ thuộc nhóm các nước OECD.
- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản:
 - + Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBsAg).
 - + Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người.
 - + Ít bị gây nhiễu bởi Hemoglobin, bilirubin, lipid máu; không hoặc ít phản ứng chéo với các bệnh nhiễm vi rút thường gặp như HAV, HSV, EBV, CMV, Rubella hoặc tương đương.
 - + Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$; độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$.
 - + Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA.
 - + Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 1.0 IU/ml hoặc có tài liệu chứng minh tương đương.
 - + Dạng khay (Cassette).
 - + Đạt chuẩn ISO 13485, CFS; có chứng nhận phân tích chất lượng COA.
 - + Có giấy phép lưu hành hoặc tài liệu pháp lý tương đương theo quy định của Bộ Y tế.

Phần 2. Test nhanh HIV

- Số lượng dự kiến: 3.000 test.
- Yêu cầu xuất xứ: Xuất xứ thuộc nhóm các nước G7 (Mỹ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý, Canada).
- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản:
 - + Định tính phát hiện tất cả kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2.
 - + Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người.
 - + Ít bị gây nhiễu bởi Hemoglobin, bilirubin, lipid máu hoặc tương đương.
 - + Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$; độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$.
 - + Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA.
 - + Có khả năng phát hiện các mẫu HIV ở giai đoạn nhiễm bệnh sớm.
 - + Giới hạn phát hiện (LoD) HIV-1 và HIV-2 ≤ 1.0 s/co hoặc có tài liệu chứng minh tương đương.
 - + Dạng khay (Cassette).
 - + Đạt chuẩn ISO 13485, CFS; có chứng nhận phân tích chất lượng COA.
 - + Có giấy phép lưu hành hoặc tài liệu pháp lý tương đương theo quy định của Bộ Y tế.

Phần 3. Test nhanh giang mai (Syphilis)

- Số lượng dự kiến: 3.000 test.
- Yêu cầu xuất xứ: Xuất xứ thuộc nhóm các nước G7 (Mỹ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý, Canada).
- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản:
 - + Định tính phát hiện kháng thể giang mai, hỗ trợ chẩn đoán bệnh giang mai.
 - + Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người.
 - + Không bị gây nhiễu bởi Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin, EDTA, Citrate, Heparin hoặc tương đương.
 - + Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$; độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$.
 - + Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA.
 - + Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 1.0 s/co hoặc có tài liệu chứng minh tương đương.
 - + Dạng khay (Cassette).
 - + Đạt chuẩn ISO 13485, CFS; có chứng nhận phân tích chất lượng COA.
 - + Có giấy phép lưu hành hoặc tài liệu pháp lý tương đương theo quy định của Bộ Y tế.

Phần 4. Test nhanh HCV

- Số lượng dự kiến: 3.000 test.
- Yêu cầu xuất xứ: Xuất xứ thuộc nhóm các nước OECD.
- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản:
 - + Định tính phát hiện kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV/Anti-HCV).
 - + Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người.
 - + Không hoặc ít phản ứng chéo với các bệnh nhiễm vi rút thường gặp như Dengue, HBV, HIV, Syphilis hoặc tương đương.
 - + Ít bị gây nhiễu bởi Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin, EDTA, Citrate, Heparin hoặc tương đương.
 - + Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$; độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$.
 - + Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA.
 - + Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 1.0 s/co hoặc có tài liệu chứng minh tương đương.
 - + Dạng khay (Cassette).
 - + Đạt chuẩn ISO 13485, CFS; có chứng nhận phân tích chất lượng COA.
 - + Có giấy phép lưu hành hoặc tài liệu pháp lý tương đương theo quy định của Bộ Y tế.

VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ
Gói mua sắm hàng hóa: Sinh phẩm xét nghiệm test nhanh
phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

Sau khi nghiên cứu kỹ Thông báo, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chí đánh giá và Dự thảo hợp đồng, chúng tôi nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá với nội dung sau:

I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Tên nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Mã số thuế:

Người đại diện:

Chức vụ:

Tài khoản số:

Ngân hàng:

II. PHẦN THAM GIA VÀ BÁO GIÁ

Nhà cung cấp đăng ký tham gia: Phần 1 Phần 2 Phần 3 Phần 4.

Phần	Tên hàng hóa	Tên thương mại/Mã hàng	Hãng/ Nước SX	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phần 1	Test nhanh HBsAg				test	3.000		
Phần 2	Test nhanh HIV				test	3.000		
Phần 3	Test nhanh giang mai (Syphilis)				test	3.000		
Phần 4	Test nhanh HCV				test	3.000		

Giá chào đã bao gồm thuế, phí, chi phí vận chuyển, giao hàng, bảo quản, bốc xếp và toàn bộ chi phí liên quan đến việc cung cấp hàng hóa đến địa điểm do Bệnh viện yêu cầu. Hiệu lực báo giá: ngày kể từ ngày ký.

III. CAM KẾT

1. Cung cấp hàng hóa đúng hồ sơ, đúng yêu cầu kỹ thuật, đúng tiến độ và bảo đảm điều kiện bảo quản, hạn dùng theo Thông báo.
2. Cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý, tài liệu kỹ thuật, hồ sơ chứng minh chất lượng, hiệu năng, xuất xứ, điều kiện bảo quản, hạn dùng và các tài liệu liên quan theo yêu cầu của Bệnh viện.
3. Thực hiện đổi trả, khắc phục hoặc xử lý hàng hóa không đạt yêu cầu theo Thông báo, Dự thảo hợp đồng và quy định của Bệnh viện.
4. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.
5. Không thông đồng, không thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp./.

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN
PHỤ SẢN TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /HD-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG

**Mua sắm hàng hóa: Sinh phẩm xét nghiệm test nhanh
 phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Thông báo số /TB-BVPSTG ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất gói mua sắm sinh phẩm xét nghiệm test nhanh phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV;

Căn cứ Hồ sơ đề xuất và báo giá ngày tháng năm 2026 của [tên nhà cung cấp];

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện nội dung cung cấp hàng hóa ngày tháng năm 2026 giữa Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và [tên nhà cung cấp];

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm sinh phẩm xét nghiệm test nhanh phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm:

Bên mua (Bên A): BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TIỀN GIANG

Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện: Ông/Bà Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.

Tài khoản số: tại Ngân hàng

Bên bán (Bên B): [TÊN NHÀ CUNG CẤP]

Địa chỉ:

Đại diện: Ông/Bà Chức vụ:

Điện thoại: Email:

Mã số thuế:

Tài khoản số: tại Ngân hàng

Sau khi bàn bạc trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, trung thực, hợp tác và phù hợp quy định của pháp luật, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi và tài liệu hợp đồng

1.1. Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A và Bên A đồng ý mua của Bên B sinh phẩm xét nghiệm test nhanh thuộc gói mua sắm “Sinh phẩm xét nghiệm test nhanh phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV”, theo phân/phần hàng được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, danh mục, số lượng, đơn giá, thành tiền, quy cách, thông số kỹ thuật, yêu cầu chất lượng và tiến độ thực hiện tại các phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

1.2. Hợp đồng này áp dụng đối với phần/phần hàng sau:

- Phần 1: Test nhanh HBsAg;
- Phần 2: Test nhanh HIV;
- Phần 3: Test nhanh giang mai (Syphilis);
- Phần 4: Test nhanh HCV.

Nội dung cụ thể thực hiện theo Hồ sơ đề xuất, Biên bản thương thảo, Phụ lục Hợp đồng.

1.3. Hợp đồng này không áp dụng điều kiện đặt thiết bị, công cụ, phương tiện hoặc giải pháp hỗ trợ sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa. Bên B chỉ có trách nhiệm cung cấp sinh phẩm xét nghiệm test nhanh theo đúng danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng, điều kiện bảo quản, hạn dùng và hồ sơ pháp lý đã được phê duyệt.

1.4. Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật, Biên bản thương thảo, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Trường hợp có nội dung khác nhau, thứ tự ưu tiên áp dụng là: Hợp đồng; Phụ lục Hợp đồng; Biên bản thương thảo; Hồ sơ đề xuất và báo giá của Bên B; Thông báo mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất.

Điều 2. Danh mục, chất lượng, quy cách và hồ sơ pháp lý của hàng hóa

2.1. Bên B phải cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng tên hàng, tên thương mại, mã hàng, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, quy cách đóng gói, đơn vị tính, số lượng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và các cam kết trong Hồ sơ đề xuất.

2.2. Hàng hóa phải có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định áp dụng đối với sinh phẩm xét nghiệm; bảo đảm nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, an toàn, điều kiện bảo quản và mục đích sử dụng tại Bệnh viện.

2.3. Đối với Phần 2 - Test nhanh HIV và Phần 3 - Test nhanh giang mai (Syphilis), hàng hóa phải có xuất xứ thuộc nhóm các nước G7. Đối với Phần 1 - Test nhanh HBsAg và Phần 4 - Test nhanh HCV, hàng hóa phải có xuất xứ thuộc nhóm các nước OECD.

2.4. Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng phải còn tối thiểu 3/4 tổng hạn dùng của sản phẩm, trừ trường hợp Bên A chấp thuận khác bằng văn bản trước khi giao hàng.

2.5. Hàng hóa phải được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, bảo đảm an toàn trong vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, bảo quản và sử dụng; bao bì, nhãn hàng hóa, tem, ký mã hiệu phải phù hợp quy định và thuận tiện cho truy xuất.

2.6. Bên B không được thay đổi chủng loại, mã hàng, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, thông số kỹ thuật, quy cách, tiêu chuẩn chất lượng hoặc bất kỳ nội dung cơ bản nào của hàng hóa đã chào, trừ khi được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

2.7. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận, yêu cầu đổi trả, yêu cầu khắc phục hoặc xử lý theo Hợp đồng nếu hàng hóa không đúng Hợp đồng, không đúng Hồ sơ đề xuất, không đủ hồ sơ pháp lý, không bảo đảm chất lượng, không phù hợp yêu cầu chuyên môn hoặc không bảo đảm điều kiện sử dụng.

Điều 3. Giá trị Hợp đồng, đơn giá và chi phí đã bao gồm

3.1. Tổng giá trị Hợp đồng: đồng.

Bằng chữ:

3.2. Đơn giá hàng hóa được xác định tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này và là căn cứ thanh toán cho khối lượng hàng hóa được Bên A nghiệm thu hợp lệ.

3.3. Giá trị Hợp đồng và đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại Bệnh viện, bảo quản trong quá trình vận chuyển và toàn bộ chi phí cần thiết để hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu, sử dụng theo yêu cầu của Bên A, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

3.4. Đơn giá không thay đổi trong thời gian hiệu lực Hợp đồng, trừ trường hợp điều chỉnh được hai bên thỏa thuận bằng văn bản, phù hợp quy định của Bên A và không làm trái hồ sơ mua sắm đã được phê duyệt.

3.5. Bên A không thanh toán bất kỳ khoản chi phí nào ngoài Hợp đồng nếu khoản chi phí đó không được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Điều 4. Thời gian, tiến độ, địa điểm và phương thức giao nhận

4.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng: từ ngày/...../2026 đến ngày/...../2026 hoặc đến khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.2. Tiến độ giao hàng: Giao nhiều lần theo dự trù, đơn đặt hàng, email công vụ hoặc hình thức xác nhận hợp lệ của Bên A. Mỗi đợt giao hàng thực hiện theo số lượng, thời gian và địa điểm do Bên A xác nhận.

4.3. Địa điểm giao hàng: Khoa Cận lâm sàng/Kho được Bên A chỉ định tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

4.4. Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển, bốc xếp, giao hàng đến đúng địa điểm do Bên A chỉ định; chịu mọi rủi ro, mất mát, hư hỏng trong quá trình vận chuyển, bốc xếp cho đến khi hàng hóa được Bên A kiểm tra, tiếp nhận hợp lệ.

4.5. Khi giao hàng, hai bên kiểm tra tên hàng, số lượng, chủng loại, quy cách, hạn dùng, tình trạng bao bì, điều kiện bảo quản, hồ sơ kèm theo và lập Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa.

4.6. Việc Bên A ký biên bản giao nhận không làm mất quyền từ chối, yêu cầu đổi trả, yêu cầu khắc phục hoặc xử lý vi phạm nếu sau đó phát hiện hàng hóa không đạt chất lượng, không đúng Hợp đồng hoặc không phù hợp yêu cầu sử dụng.

Điều 5. Kiểm tra, nghiệm thu và điều kiện tiếp nhận hàng hóa

5.1. Hàng hóa chỉ được nghiệm thu khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Hợp đồng, Phụ lục

Hợp đồng, Hồ sơ đề xuất và các điều kiện chuyên môn, kỹ thuật do Bên A xác định trong hồ sơ mua sắm.

5.2. Bên A có quyền kiểm tra thực tế, đối chiếu hồ sơ, yêu cầu làm rõ, yêu cầu cung cấp mẫu, yêu cầu kiểm nghiệm, kiểm định hoặc kiểm tra chất lượng khi cần thiết.

5.3. Trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu nghiệm thu, Bên B phải thu hồi, đổi trả, giao lại, khắc phục hoặc thay thế trong thời hạn do Bên A yêu cầu và chịu toàn bộ chi phí phát sinh.

5.4. Bên A có quyền tạm ngừng sử dụng, không nghiệm thu hoặc yêu cầu Bên B chứng minh thêm về chất lượng, độ nhạy, độ đặc hiệu, hồ sơ pháp lý, điều kiện bảo quản, hạn dùng, tính ổn định và mức độ phù hợp với yêu cầu chuyên môn trước khi tiếp nhận nếu hàng hóa liên quan trực tiếp đến hoạt động xét nghiệm, sàng lọc, cấp cứu, quản lý thai kỳ hoặc an toàn người bệnh.

5.5. Hồ sơ nghiệm thu gồm tối thiểu: Biên bản giao nhận, nghiệm thu; hóa đơn hợp lệ; phiếu giao hàng/phiếu xuất kho; hồ sơ pháp lý, chứng từ chất lượng, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, giấy bảo hành hoặc tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A.

Điều 6. Điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích

6.1. Không áp dụng điều kiện đặt thiết bị, công cụ, phương tiện hoặc giải pháp hỗ trợ sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa trong Hợp đồng này.

6.2. Bên B không được đưa vào Bệnh viện bất kỳ thiết bị, công cụ, phương tiện hoặc giải pháp hỗ trợ sử dụng nào để thực hiện Hợp đồng nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

6.3. Trường hợp trong quá trình thực hiện phát sinh nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng hoặc làm rõ quy trình bảo quản, sử dụng sinh phẩm, Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A để thực hiện bằng hình thức phù hợp, không làm phát sinh nghĩa vụ mua sắm, thuê, mượn hoặc đặt thiết bị tại Bệnh viện.

Điều 7. Bảo hành, đổi trả và hỗ trợ kỹ thuật

7.1. Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã cung cấp trong thời hạn sử dụng của sản phẩm và theo cam kết tại Hồ sơ đề xuất, Hợp đồng, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định pháp luật có liên quan.

7.2. Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa có lỗi do nhà sản xuất, lỗi kỹ thuật, lỗi chất lượng, không đúng thông số đã cam kết hoặc không phù hợp mục đích sử dụng, Bên B phải đổi mới, sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế mà không làm phát sinh chi phí cho Bên A.

7.3. Thời gian phản hồi yêu cầu hỗ trợ hoặc sự cố: không quá giờ kể từ khi nhận thông báo của Bên A. Thời gian khắc phục sự cố: không quá giờ/ngày làm việc, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

7.4. Bên B có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến việc bảo quản, sử dụng sinh phẩm, giải thích tài liệu kỹ thuật, hồ sơ chất lượng và phối hợp xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa tại Bệnh viện. Việc hỗ trợ kỹ thuật không làm phát sinh yêu cầu đặt thiết bị, công cụ hoặc phương tiện tại Bệnh viện.

7.5. Bên B phải duy trì đầu mối kỹ thuật đủ năng lực trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng; mọi thay đổi đầu mối kỹ thuật phải thông báo cho Bên A.

Điều 8. Thanh toán và hồ sơ thanh toán

8.1. Bên A thanh toán cho Bên B theo giá trị hàng hóa thực tế đã giao, đã được nghiệm thu và có đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

8.2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản hợp pháp của Bên B ghi tại Hợp đồng này.

8.3. Thời hạn thanh toán: trong vòng ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, phù hợp tiến độ và nguồn tài chính của Bên A.

8.4. Hồ sơ thanh toán gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ; Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa; phiếu xuất kho/phiếu giao hàng hoặc tài liệu tương đương; hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, pháp lý của hàng hóa; tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và các tài liệu khác theo yêu cầu quản lý của Bên A.

8.5. Bên A không thanh toán đối với hàng hóa không đúng Hợp đồng, không được nghiệm thu, không có hồ sơ hợp lệ, đã bị từ chối tiếp nhận hoặc đang trong quá trình xử lý tranh chấp về chất lượng, số lượng, nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ pháp lý.

8.6. Trường hợp Bên B có nghĩa vụ bồi thường, phạt vi phạm, hoàn trả chi phí hoặc khắc phục vi phạm, Bên A được quyền tạm giữ, khấu trừ hoặc đối trừ nghĩa vụ thanh toán theo quy định pháp luật và Hợp đồng này.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo đảm bảo hành và kiểm soát rủi ro

9.1. Tùy tính chất phần mua sắm, hai bên áp dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo đảm sau: bảo đảm thực hiện hợp đồng; giữ lại một tỷ lệ giá trị thanh toán; bảo đảm bảo hành; thanh toán theo từng đợt nghiệm thu; không tạm ứng hoặc giảm tỷ lệ tạm ứng; giao hàng đợt đầu với số lượng phù hợp để kiểm chứng năng lực cung ứng.

9.2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:% giá trị Hợp đồng, bằng hình thức [bảo lãnh ngân hàng/đặt cọc/giữ lại thanh toán/hình thức khác phù hợp].

9.3. Giá trị bảo đảm bảo hành hoặc giữ lại bảo hành, nếu áp dụng, là% giá trị hàng hóa cần bảo hành, được hoàn trả sau khi hết thời hạn bảo hành và Bên B đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành, đổi trả, khắc phục theo Hợp đồng.

9.4. Trường hợp Bên B chào giá thấp hơn đáng kể so với mặt bằng giá trung bình nhưng được lựa chọn do giải trình hợp lý, Bên A có quyền áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro tăng cường theo Biên bản thương thảo và Hợp đồng này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

10.1. Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa, bảo hành, đổi trả, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, tài liệu kỹ thuật và các tài liệu liên quan đúng Hợp đồng, Hồ sơ đề xuất, Biên bản thương thảo và phụ lục kèm theo.

10.2. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hàng hóa; yêu cầu Bên B cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng từ, mẫu, giải trình hoặc kiểm tra bổ sung khi cần thiết.

10.3. Từ chối tiếp nhận, từ chối nghiệm thu, từ chối thanh toán, yêu cầu đổi trả, yêu cầu khắc phục, yêu cầu bồi thường hoặc áp dụng chế tài nếu Bên B vi phạm Hợp đồng.

10.4. Tạm ngừng thực hiện hoặc chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này khi Bên B vi phạm nghiêm trọng hoặc không còn khả năng thực hiện.

10.5. Thanh toán cho Bên B đối với phần hàng hóa đã được nghiệm thu hợp lệ, có đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và không thuộc trường hợp bị tạm giữ, khấu trừ hoặc từ chối thanh toán.

10.6. Phối hợp với Bên B trong phạm vi cần thiết để giao nhận, nghiệm thu, bảo quản, sử dụng hàng hóa và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

11.1. Cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, quy cách, thông số kỹ thuật, hạn dùng, nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ pháp lý và tiến độ theo Hợp đồng.

11.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính trung thực, hợp pháp, chính xác của Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật, chứng từ pháp lý, nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

11.3. Không tự ý thay đổi hàng hóa, model, mã hàng, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, quy cách, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, tiến độ giao hàng hoặc các nội dung đã cam kết nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

11.4. Cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, điều kiện bảo quản, hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng; thực hiện bảo hành, đổi trả, khắc phục hàng hóa không đạt yêu cầu và hỗ trợ kỹ thuật theo yêu cầu của Hợp đồng.

11.5. Bảo đảm hàng hóa, bao bì, hồ sơ, tài liệu và nhân sự của Bên B khi giao hàng, hỗ trợ kỹ thuật không gây mất an toàn, không làm gián đoạn hoạt động chuyên môn, không gây thiệt hại cho Bên A, người bệnh, thân nhân người bệnh, nhân viên hoặc bên thứ ba.

11.6. Chịu mọi chi phí phát sinh do lỗi của Bên B, bao gồm chi phí thu hồi, vận chuyển, kiểm định, kiểm nghiệm, đổi trả, sửa chữa, khắc phục, thuê phương án thay thế, bồi thường thiệt hại và các chi phí hợp lý khác.

11.7. Tuân thủ quy định của Bên A về an toàn, phòng cháy chữa cháy, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo mật thông tin, ra vào khu vực chuyên môn và các quy định nội bộ liên quan khi thực hiện công việc tại Bệnh viện.

11.8. Không chuyển nhượng, giao khoán, ủy quyền thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ Hợp đồng cho bên thứ ba nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

Điều 12. Liêm chính, xung đột lợi ích và bảo mật thông tin

12.1. Bên B cam kết không thông đồng, dàn xếp, nâng giá, ép giá, đưa, nhận, môi giới lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc quá trình thực hiện Hợp đồng.

12.2. Bên B cam kết không có xung đột lợi ích với Bên A. Nếu phát sinh hoặc phát hiện xung đột lợi ích, Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản để Bên A xem xét, xử lý theo quy định.

12.3. Bên B có trách nhiệm bảo mật thông tin người bệnh, thông tin chuyên môn, thông tin tài chính, thông tin nội bộ, dữ liệu xét nghiệm, tài khoản truy cập và mọi thông tin không công khai mà Bên B biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

12.4. Bên B không được sử dụng hình ảnh, tên gọi, logo, dữ liệu, hồ sơ, kết quả chuyên môn hoặc thông tin của Bên A cho mục đích quảng cáo, truyền thông, thương mại hoặc mục đích khác nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

12.5. Vi phạm nghĩa vụ liêm chính, xung đột lợi ích hoặc bảo mật thông tin được xem là vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng và là căn cứ để Bên A chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu bồi

thường thiệt hại và xử lý theo quy định.

Điều 13. Vi phạm hợp đồng, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

13.1. Trường hợp Bên B giao hàng chậm, giao thiếu, giao không đúng chủng loại, không đúng quy cách, không đúng chất lượng, không đủ hồ sơ, không đúng tiến độ hoặc không thực hiện nghĩa vụ hỗ trợ kỹ thuật, Bên A có quyền yêu cầu khắc phục, từ chối nhận hàng, từ chối thanh toán, phạt vi phạm, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc chấm dứt Hợp đồng.

13.2. Mức phạt vi phạm do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng hoặc Biên bản thương thảo, nhưng không vượt quá mức pháp luật cho phép. Trường hợp không ghi tỷ lệ cụ thể, hai bên áp dụng mức phạt theo quy định pháp luật hiện hành đối với phần nghĩa vụ bị vi phạm.

13.3. Trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa không đúng chất lượng, không đúng Hồ sơ đề xuất, không bảo đảm an toàn, gây sai lệch kết quả chuyên môn, làm gián đoạn hoạt động chuyên môn hoặc gây thiệt hại, Bên B phải thu hồi, đổi trả, khắc phục, chịu chi phí phát sinh và bồi thường thiệt hại cho Bên A theo quy định.

13.4. Trường hợp Bên B sử dụng tài liệu không trung thực, giả mạo, không hợp pháp hoặc che giấu thông tin ảnh hưởng đến việc lựa chọn và thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền hủy kết quả lựa chọn, chấm dứt Hợp đồng, không thanh toán phần chưa nghiệm thu, yêu cầu hoàn trả chi phí, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định.

13.5. Việc áp dụng phạt vi phạm không làm mất quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, quyền từ chối thanh toán, quyền khấu trừ, quyền chấm dứt Hợp đồng và các quyền khác của Bên A theo Hợp đồng và pháp luật.

Điều 14. Tạm ngừng, chấm dứt Hợp đồng và xử lý sau chấm dứt

14.1. Bên A có quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng trong trường hợp hàng hóa, hồ sơ, tiến độ hoặc phương án thực hiện của Bên B có dấu hiệu không bảo đảm yêu cầu, ảnh hưởng hoạt động chuyên môn, an toàn người bệnh hoặc quyền lợi của Bên A.

14.2. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp: hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ; hai bên thỏa thuận chấm dứt bằng văn bản; một bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và không khắc phục trong thời hạn hợp lý; Bên B không còn khả năng cung cấp hàng hóa theo Hợp đồng; hoặc trường hợp khác theo quy định pháp luật.

14.3. Trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên B, Bên A có quyền lựa chọn nhà cung cấp khác để bảo đảm hoạt động của Bệnh viện; mọi chi phí chênh lệch, thiệt hại hợp lý phát sinh do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

14.4. Khi Hợp đồng chấm dứt, Bên B phải phối hợp bàn giao hồ sơ, đối chiếu công nợ, xử lý hàng hóa chưa nghiệm thu hoặc hàng hóa không đạt yêu cầu, bảo đảm không làm gián đoạn hoặc gây mất an toàn cho hoạt động của Bên A.

14.5. Các nghĩa vụ về bảo mật thông tin, bảo hành, bồi thường thiệt hại, xử lý vi phạm, thanh toán phần đã nghiệm thu hợp lệ và các nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm chấm dứt vẫn tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hoàn thành.

Điều 15. Bất khả kháng

15.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

15.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trong thời gian sớm nhất, cung cấp tài liệu chứng minh nếu có và áp dụng mọi biện pháp hợp lý để hạn chế thiệt hại.

15.3. Hai bên phối hợp xử lý hậu quả của sự kiện bất khả kháng trên nguyên tắc bảo đảm hoạt động chuyên môn của Bệnh viện, an toàn người bệnh và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

15.4. Sự kiện bất khả kháng không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán đối với phần hàng hóa đã được nghiệm thu hợp lệ trước thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

16.1. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác, thiện chí và bảo đảm hoạt động của Bệnh viện.

16.2. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Tháp để giải quyết theo quy định pháp luật.

16.3. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ không có tranh chấp, trừ trường hợp việc tiếp tục thực hiện có nguy cơ gây thiệt hại, mất an toàn hoặc hai bên có thỏa thuận khác.

Điều 17. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung và điều khoản chung

17.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày/...../2026 theo thỏa thuận của hai bên và hết hiệu lực khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trừ các nghĩa vụ tiếp tục có hiệu lực sau khi chấm dứt theo Hợp đồng này.

17.2. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp của hai bên và phù hợp hồ sơ mua sắm, kết quả lựa chọn nhà cung cấp đã được phê duyệt.

17.3. Trường hợp một điều khoản của Hợp đồng bị vô hiệu hoặc không thể thực hiện, các điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực; hai bên thỏa thuận điều khoản thay thế phù hợp mục đích của Hợp đồng và quy định pháp luật.

17.4. Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

17.5. Các phụ lục, biên bản, văn bản đặt hàng, biên bản nghiệm thu, biên bản xử lý vi phạm và các tài liệu được hai bên ký xác nhận trong quá trình thực hiện là bộ phận cấu thành hoặc căn cứ thực hiện Hợp đồng.

17.6. Hai bên cam kết đã đọc, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; tự nguyện ký kết và nghiêm túc thực hiện Hợp đồng này./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÀNG HÓA CUNG CẤP

Kèm theo Hợp đồng số:/HD-BVPSTG ngày tháng năm 2026

Tên gói mua sắm: Sinh phẩm xét nghiệm test nhanh phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV.

Hàng hóa được cung cấp theo 04 phân độ lập. Nhà cung cấp được lựa chọn có trách nhiệm cung cấp đúng phân độ phê duyệt, đúng danh mục, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ, hồ sơ pháp lý, điều kiện bảo quản và hạn dùng theo Hợp đồng.

1. Danh mục, số lượng hàng hóa

Phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
Phần 1	Test nhanh HBsAg	test	3.000			Yêu cầu kỹ thuật theo Bảng 2 của Phụ lục này.
Phần 2	Test nhanh HIV	test	3.000			Yêu cầu kỹ thuật theo Bảng 2 của Phụ lục này.
Phần 3	Test nhanh giang mai (Syphilis)	test	3.000			Yêu cầu kỹ thuật theo Bảng 2 của Phụ lục này.
Phần 4	Test nhanh HCV	test	3.000			Yêu cầu kỹ thuật theo Bảng 2 của Phụ lục này.

2. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản

Stt	Phần/Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
01	Phần 1 - Test nhanh HBsAg	Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBsAg). Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Ít bị gây nhiễu bởi Hemoglobin, bilirubin, lipid máu. Không hoặc ít phản ứng chéo với các bệnh nhiễm vi rút thường gặp: HAV, HSV, EBV, CMV, Rubella. Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$, độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$. Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA. Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 1.0 IU/ml hoặc có tài liệu minh chứng tương đương. Dạng khay (Cassette). Đạt chuẩn ISO 13485, CFS. Có chứng nhận phân tích chất lượng COA. Có giấy phép lưu hành của Bộ Y tế cấp. Xuất xứ thuộc nhóm các nước OECD.

Stt	Phân/Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
02	Phần 2 - Test nhanh HIV	Định tính phát hiện tất cả kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2. Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Ít bị gây nhiễu bởi Hemoglobin, bilirubin, lipid máu. Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$, độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$. Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA. Có khả năng phát hiện các mẫu HIV ở giai đoạn nhiễm bệnh sớm. Giới hạn phát hiện (LoD) HIV-1 và HIV-2 là ≤ 1.0 s/co hoặc có tài liệu minh chứng tương đương. Dạng khay (Cassette). Đạt chuẩn ISO 13485, CFS. Có chứng nhận phân tích chất lượng COA. Có giấy phép lưu hành của Bộ Y tế cấp. Xuất xứ thuộc nhóm các nước G7 (Mỹ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý, Ca-na-đa).
03	Phần 3 - Test nhanh giang mai (Syphilis)	Định tính phát hiện kháng thể giang mai hỗ trợ chẩn đoán bệnh giang mai. Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin, EDTA, Citrate, Heparin. Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$, độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$. Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA. Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 1.0 s/co hoặc có tài liệu minh chứng tương đương. Dạng khay (Cassette). Đạt chuẩn ISO 13485, CFS. Có chứng nhận phân tích chất lượng COA. Có giấy phép lưu hành của Bộ Y tế cấp. Xuất xứ thuộc nhóm các nước G7 (Mỹ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý, Ca-na-đa).
04	Phần 4 - Test nhanh HCV	Định tính phát hiện kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV). Sử dụng được với cả 03 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Không hoặc ít phản ứng chéo với các bệnh nhiễm vi rút thường gặp: Dengue, HBV, HIV, Syphilis. Ít bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin, EDTA, Citrate, Heparin. Độ nhạy tương đối $\geq 99\%$, độ đặc hiệu tương đối $\geq 99\%$. Có đánh giá hiệu năng so sánh với phương pháp xét nghiệm miễn dịch tự động hoặc ELISA. Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 1.0 s/co hoặc có tài liệu minh chứng tương đương. Dạng khay (Cassette). Đạt chuẩn ISO 13485, CFS. Có chứng nhận phân tích chất lượng COA. Có giấy phép lưu hành của Bộ Y tế cấp. Xuất xứ thuộc nhóm các nước OECD.

Ghi chú:

- Đơn giá, thành tiền và tổng giá trị Hợp đồng được hoàn thiện sau khi có kết quả lựa chọn nhà cung cấp và thương thảo hợp đồng.
- Hàng hóa giao nhận phải còn hạn sử dụng tối thiểu theo yêu cầu của Hợp đồng/Thông báo mời nhà cung cấp nộp hồ sơ đề xuất và phù hợp hướng dẫn của nhà sản xuất; hàng hóa không đạt yêu cầu, sai chủng loại, sai xuất xứ, sai tiêu chuẩn chất lượng hoặc thiếu hồ sơ pháp lý được quyền từ chối nghiệm thu.
- Không áp dụng điều kiện đặt thiết bị, công cụ, phương tiện hoặc giải pháp hỗ trợ sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa.

PHỤ LỤC 02**TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG, ĐẶT HÀNG VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO NHIỀU LẦN**

Kèm theo Hợp đồng số:/HD-BVPSTG ngày tháng năm 2026

Tên gói mua sắm: Sinh phẩm xét nghiệm test nhanh phục vụ sàng lọc HBsAg, HIV, giang mai và HCV.

Hàng hóa được giao nhiều lần theo nhu cầu thực tế của Bên A trong thời gian thực hiện Hợp đồng. Mỗi đợt giao hàng được thực hiện trên cơ sở văn bản đặt hàng, phiếu yêu cầu, thư điện tử hoặc hình thức xác nhận hợp lệ khác của Bên A.

Stt	Phần	Tên hàng hóa	Thời gian yêu cầu	Khối lượng/số lượng	Địa điểm giao	Đầu mối nhận	Hồ sơ kèm theo	Ghi chú
01	Phần 1	Test nhanh HBsAg	Theo từng đợt đặt hàng của Bên A; thời gian giao hàng không quá ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu hợp lệ.	Theo nhu cầu từng đợt; tổng số lượng không vượt số lượng được phê duyệt trong Hợp đồng.	Khoa Cận lâm sàng/Kho hoặc địa điểm khác tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang theo yêu cầu của Bên A.	Người được Bên A phân công tiếp nhận.	Phiếu giao hàng/phiếu xuất kho; hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ; hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, COA, CFS/giấy phép lưu hành, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và tài liệu khác theo yêu cầu.	Bảo quản, vận chuyển theo điều kiện của nhà sản xuất.
02	Phần 2	Test nhanh HIV	Theo từng đợt đặt hàng của Bên A; thời gian giao hàng không quá ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu hợp lệ.	Theo nhu cầu từng đợt; tổng số lượng không vượt số lượng được phê duyệt trong Hợp đồng.	Khoa Cận lâm sàng/Kho hoặc địa điểm khác tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang theo yêu cầu của Bên A.	Người được Bên A phân công tiếp nhận.	Phiếu giao hàng/phiếu xuất kho; hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ; hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, COA, CFS/giấy phép lưu hành, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và tài liệu khác theo yêu cầu.	Bảo quản, vận chuyển theo điều kiện của nhà sản xuất.
03	Phần 3	Test nhanh giang mai (Syphilis)	Theo từng đợt đặt hàng của Bên A; thời gian giao hàng không quá ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu hợp lệ.	Theo nhu cầu từng đợt; tổng số lượng không vượt số lượng được phê duyệt trong Hợp đồng.	Khoa Cận lâm sàng/Kho hoặc địa điểm khác tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang theo yêu cầu của Bên A.	Người được Bên A phân công tiếp nhận.	Phiếu giao hàng/phiếu xuất kho; hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ; hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, COA, CFS/giấy phép lưu hành, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và tài liệu khác theo yêu cầu.	Bảo quản, vận chuyển theo điều kiện của nhà sản xuất.

Stt	Phần	Tên hàng hóa	Thời gian yêu cầu	Khối lượng/số lượng	Địa điểm giao	Đầu mối nhận	Hồ sơ kèm theo	Ghi chú
04	Phần 4	Test nhanh HCV	Theo từng đợt đặt hàng của Bên A; thời gian giao hàng không quá ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu hợp lệ.	Theo nhu cầu từng đợt; tổng số lượng không vượt số lượng được phê duyệt trong Hợp đồng.	Khoa Cận lâm sàng/Kho hoặc địa điểm khác tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang theo yêu cầu của Bên A.	Người được Bên A phân công tiếp nhận.	Phiếu giao hàng/phiếu xuất kho; hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ; hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, COA, CFS/giấy phép lưu hành, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và tài liệu khác theo yêu cầu.	Bảo quản, vận chuyển theo điều kiện của nhà sản xuất.

Điều kiện giao nhiều lần:

1. Bên A chỉ tiếp nhận hàng hóa đúng danh mục, đúng phần, đúng số lượng đặt hàng, đúng hạn dùng, đúng điều kiện bảo quản và có đầy đủ hồ sơ kèm theo.
2. Bên B chịu mọi chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình vận chuyển và mọi rủi ro đối với hàng hóa cho đến khi hàng hóa được Bên A kiểm tra, tiếp nhận, nghiệm thu hợp lệ.
3. Việc ký nhận giao hàng không làm mất quyền của Bên A trong việc kiểm tra lại, từ chối nghiệm thu, yêu cầu đổi trả hoặc xử lý hàng hóa nếu phát hiện không phù hợp với Hợp đồng, Hồ sơ đề xuất hoặc yêu cầu chuyên môn.
4. Trường hợp cần điều chỉnh tiến độ giao hàng vì lý do khách quan, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước thời điểm giao hàng và chỉ được điều chỉnh khi được Bên A chấp thuận.
5. Không giao hàng vượt số lượng đặt hàng hoặc giao hàng khác phần, khác chủng loại khi chưa có yêu cầu hoặc chấp thuận bằng văn bản của Bên A..

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

PHỤ LỤC 03

BIÊN BẢN GIAO NHẬN, NGHIỆM THU HÀNG HÓA

Kèm theo Hợp đồng số:/HĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện Bên A (Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang):

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

2. Đại diện Bên B (Nhà cung cấp):

- Ông/Bà: Chức vụ:

II. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Hợp đồng số/HĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026 giữa Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và

- Phiếu giao hàng/Phiếu xuất kho/Hóa đơn số ngày tháng năm 2026 của Bên B;

- Hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, tài liệu kỹ thuật và các tài liệu có liên quan do Bên B cung cấp.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA, GIAO NHẬN VÀ NGHIỆM THU

Stt	Phần	Tên hàng hóa	Số lô/Serial	Hạn dùng	ĐVT	SL theo HĐ/đặt hàng	SL thực giao	Tình trạng bao bì/điều kiện bảo quản	Hồ sơ kèm theo	Kết luận
01	Phần 1	Test nhanh HBsAg			test					Đạt/Không đạt
02	Phần 2	Test nhanh HIV			test					Đạt/Không đạt
03	Phần 3	Test nhanh			test					Đạt/Không đạt

Stt	Phần	Tên hàng hóa	Số lô/Serial	Hạn dùng	ĐVT	SL theo HĐ/đặt hàng	SL thực giao	Tình trạng bao bì/điều kiện bảo quản	Hồ sơ kèm theo	Kết luận
		giang mai (Syphilis)								
04	Phần 4	Test nhanh HCV			test					Đạt/Không đạt

IV. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ KÈM THEO

Bên B đã bàn giao các tài liệu sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc chứng từ hợp lệ theo quy định.
- Phiếu giao hàng/Phiếu xuất kho hoặc tài liệu tương đương.
- Hồ sơ pháp lý của hàng hóa: giấy phép lưu hành hoặc tài liệu pháp lý tương đương.
- Hồ sơ chất lượng: COA, CFS, tài liệu chứng minh tiêu chuẩn ISO 13485 và các tài liệu chất lượng liên quan.
- Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, điều kiện bảo quản, hạn dùng và tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A.

V. KẾT LUẬN NGHIỆM THU

Đồng ý nghiệm thu, tiếp nhận hàng hóa nêu trên vì đáp ứng yêu cầu về chủng loại, số lượng, chất lượng, hồ sơ kèm theo, điều kiện bảo quản và hạn dùng theo Hợp đồng.

Chưa nghiệm thu/không tiếp nhận đối với hàng hóa sau:

Lý do chưa nghiệm thu/không tiếp nhận:

Yêu cầu Bên B đổi trả, bổ sung hồ sơ, khắc phục hoặc xử lý trong thời hạn ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản này.

Biên bản này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện Hợp đồng, nghiệm thu và thanh toán theo quy định./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ KHO/NGƯỜI NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÒNG TCKT
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)